

THÔNG BÁO

Tuyển sinh chương trình Tiến sĩ năm 2023 đợt 3

- Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trường Đại học Lạc Hồng thông báo tuyển sinh chương trình Tiến sĩ năm 2023 đợt 3 năm 2023 như sau:

I. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

TT	Chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	Hình thức tuyển sinh	Thời gian đào tạo từ
1	Quản trị kinh doanh	9340101	Xét tuyển	3,0 năm
2	Khoa học máy tính	9480101		

II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Thí sinh dự tuyển trình độ tiến sĩ là công dân Việt Nam có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có đủ các điều kiện sau đây:

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển

- Đã tốt nghiệp tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên, thạc sĩ đúng ngành, phù hợp với chuyên ngành hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

- Có bằng thạc sĩ ngành phù hợp, khác ngành phải học bổ sung kiến thức sau khi trúng tuyển (*Phụ lục 01*);

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có bản dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định theo Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố (*Phụ lục 02*).

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);
- Lý lịch khoa học (theo mẫu);
- Bản sao Bằng tốt nghiệp Đại học và Phụ lục văn bằng/Bảng điểm Đại học (có công chứng);
- Bản sao Bằng Thạc sĩ và Phụ lục văn bằng/Bảng điểm Thạc sĩ (có công chứng);
- Bản sao Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (có công chứng);
- Công văn cử đi dự tuyển (nếu có) (theo mẫu);
- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập;
- Giấy chứng nhận thuộc đối tượng chính sách (nếu có);
- Hình thẻ 3x4 của thí sinh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh phía sau ảnh: 05 tấm;
- Bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu (in 06 bản);
- 06 bản minh chứng công trình, bài báo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu (nếu có);
- Thư giới thiệu của nhà khoa học;
- Bản sao Căn cước công dân (có công chứng);

5. Thời gian tuyển sinh:

- Phát và nhận hồ sơ: Từ ngày ra thông báo đến ngày 30/12/2023;
- Thời gian xét tuyển dự kiến: 22/01/2024;
- Thời gian công bố kết quả xét tuyển dự kiến: Sau 07 ngày kể từ ngày xét tuyển.

6. Lệ phí xét tuyển và Học phí

- Lệ phí xét tuyển: 3.000.000 đồng/thí sinh (áp dụng với đợt xét có 5 thí sinh trở lên) (đóng khi nộp hồ sơ);

- Học phí: 45.000.000 đồng/năm.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Chính sách ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được ưu tiên xét tuyển theo thứ tự như tại mục III.1 của Thông báo này.

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

TRUNG TÂM TUYỂN SINH VÀ QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

Địa chỉ: Cơ sở 1, Trường Đại học Lạc Hồng, số 10 Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Website: <https://tuyensinh.lhu.edu.vn/>

Email: pr.admissions@lhu.edu.vn

Điện thoại: 02513.952.188

Hotline: 0981.50.33.99 – 0981.60.33.99

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đơn vị quan tâm;
- www.lhu.edu.vn;
- Khoa SDH;
- Lưu: VT, TT TS&QHCC, (274).

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HỆU TRƯỞNG



LÂM THÀNH HIỂN



Phụ lục 01

Danh mục ngành phù hợp với ngành đào tạo trong tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ

(Áp dụng cho khóa 2023)

Stt	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp và ngành khác phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển	
			Tên ngành	Danh mục môn học bổ sung kiến thức
1	Quản trị kinh doanh	1. Quản trị kinh doanh 2. Kinh doanh thương mại 3. Kinh doanh và quản lý 4. Marketing 5. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 6. Quản trị nhà hàng- khách sạn 7. Quản trị kinh doanh quốc tế 8. Quản lý công nghiệp 9. Quản trị nhân lực 10. Quản trị du lịch	Ngành phù hợp 1. Tài chính - Ngân hàng 2. Bảo hiểm 3. Kế toán 4. Kiểm toán 5. Khoa học quản lý 6. Chính sách công 7. Quản lý công 8. Kinh tế ngoại thương 9. Hệ thống thông tin quản lý 10. Quản trị văn phòng 11. Quản lý kinh tế 12. Quản lý khoa học và công nghệ 13. Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp 14. Kinh tế học 15. kinh tế chính trị 16. Kinh tế đầu tư 17. Kinh tế phát triển 18. Kinh tế quốc tế 19. Thống kê kinh tế 20. Toán kinh tế 21. Du lịch 22. Kinh tế du lịch 23. Chứng khoán 24. Kinh tế nông nghiệp 25. Kinh tế tài nguyên và môi trường 26. Kinh tế thủy sản 27. Kinh tế thương nghiệp 28. Kinh tế kế hoạch đầu tư và các ngành kinh tế khác mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế	Môn học bổ sung kiến thức: 1. Quản trị tài chính (4 TC) 2. Quản trị chiến lược (4 TC) 3. Quản trị sản xuất và điều hành (4 TC)
			Ngành khác Thí sinh có bằng tốt nghiệp ngành khác (không thuộc danh mục ngành phù hợp)	Môn học bổ sung kiến thức: 1. Quản trị nguồn nhân lực (4 TC) 2. Quản trị tài chính (4 TC) 3. Quản trị chiến lược (4 TC) 4. Quản trị sản xuất và điều hành (4 TC) 5. Quản trị chuỗi cung ứng (4 TC)

Stt	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp không học bổ sung	Ngành phù hợp và ngành khác phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển	
2	Khoa học máy tính	1. Khoa học máy tính 2. Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu 3. Kỹ thuật phần mềm 4. Hệ thống thông tin 5. Kỹ thuật máy tính 6. Trí tuệ nhân tạo 7. Công nghệ thông tin 8. An toàn thông tin 9. Quản lý công nghệ thông tin 10. Quản lý Hệ thống thông tin 11. Khoa học tính toán 12. Khoa học dữ liệu 13. Cơ sở toán học cho tin học 14. Toán ứng dụng 15. Toán tin	Ngành phù hợp 1. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa 2. Kỹ thuật cơ điện tử 3. Kỹ thuật hình ảnh y học 4. Bản đồ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý 5. Lý thuyết xác suất thống kê toán học 6. Thống kê	Môn học bổ sung kiến thức: 1. Lý thuyết đồ thị và ứng dụng 2. Tối ưu tổ hợp và ứng dụng 3. Phương pháp toán học tính toán 4. Khai thác dữ liệu và ứng dụng



Phụ lục 02

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN TIỀN SĨ

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm	Ghi chú
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên	TT: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2021
		IELTS	Từ 5.5 trở lên	
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên	
		Aptis ESOL	B2	QĐ 925/QĐ-BGDĐT Ngày 31/3/2023
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue	TT: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2021
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên	
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên	
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên	
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên	
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên	
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên	